

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về hoàn trả kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ
đối với các dự án thi công trên đường bộ đang khai thác
trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 3 tháng 9 năm 2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 11/2010/ NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về hoàn trả kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với các dự án thi công trên đường bộ đang khai thác trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Chủ tịch UBND các quận, huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Truy*

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBNDTP;
- Các CPVP UBNDTP;
- Bộ GTVT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND;
- UBNDTP;
- Sở Tư pháp (để kiểm tra);
- Sở GTVT;
- UBND quận, huyện, UBND các phường, xã;
- Trung tâm Tin học – Công báo;
- Đài PTTH Đà Nẵng, Báo Đà Nẵng, Cổng thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT, QLĐT.

30

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Đức Thọ
Huỳnh Đức Thọ

QUY ĐỊNH

Về hoàn trả kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với các dự án thi công trên đường bộ đang khai thác trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: ...18.../2015/QĐ-UBND
ngày 21 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)*

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về việc hoàn trả kết cấu hạ tầng giao thông đối với các dự án thi công trên đường bộ đang khai thác trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

2. Quy định này áp dụng cho các tổ chức, cá nhân thực hiện các công việc đòi hỏi phải phá bỏ kết cấu mặt đường, dải phân cách, vỉa hè (thi công trên đường bộ đang khai thác) dưới sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý đường bộ theo phân cấp nhằm mục đích:

a. Lắp đặt các công trình ngầm: bao gồm các công trình điện sinh hoạt, điện chiếu sáng thông tin liên lạc, cấp thoát nước và các công trình thiết yếu khác được lắp đặt dưới mặt đường;

b. Xử lý sự cố kỹ thuật đột xuất của các công trình điện sinh hoạt, điện chiếu sáng, thông tin liên lạc, cấp thoát nước....

3. Quy định này không áp dụng cho các dự án đã được thống nhất kết cấu với cơ quan quản lý chuyên ngành và các dự án có vệt đào rộng trên 2,5m.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Thiết kế kỹ thuật định hình*: là các thiết kế mẫu kết cấu áo đường, vỉa hè, bó vỉa được tổng hợp tại Quy định này.

2. *Cơ quan quản lý đường bộ*: là cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành thuộc Sở Giao thông vận tải; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận; Ủy ban nhân dân xã, phường.

3. Đơn vị hoàn trả mặt bằng: là các tổ chức, cá nhân được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thi công cho phép đào và hoàn trả lại kết cấu mặt đường, bó vỉa, vỉa hè.

CHƯƠNG II

THIẾT KẾ KỸ THUẬT ĐỊNH HÌNH VÀ ĐƠN GIÁ HOÀN TRẢ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG

Điều 3. Yêu cầu đối với thiết kế hoàn trả

1. Kết cấu sau khi hoàn trả phải có chất lượng bằng hoặc tốt hơn kết cấu ban đầu.

2. Thiết kế phần hoàn trả phải tuân thủ theo thiết kế định hình và đảm bảo phù hợp với kết cấu của đường hiện hữu.

3. Đối với các công trình không áp dụng thiết kế định hình, đơn vị hoàn trả mặt bằng phải lập hồ sơ thiết kế riêng cho phần hoàn trả và phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

4. Trường hợp vệt, hố đào không vuông góc với tim đường, phạm vi mặt bằng hoàn trả được xác định là hình chữ nhật bao phủ cả làn đường và khoảng cách tối thiểu từ mép diện tích đào ra mỗi bên là 1,0m.

5. Trường hợp qua kiểm tra, cơ quan quản lý đường bộ hoặc Thanh tra Sở Giao thông vận tải phát hiện việc hoàn trả mặt bằng không đảm bảo chất lượng như có hiện tượng lún sụt, bong tróc..thì đơn vị hoàn trả mặt bằng phải tiến hành sửa chữa khắc phục trong vòng 48 giờ kể từ khi nhận được thông báo của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 4. Yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng thi công

1. Đơn vị hoàn trả mặt bằng phải tuân thủ các quy định về kích thước, kết cấu hoàn trả trong giấy phép thi công được cấp. Trường hợp có thay đổi so với thiết kế được duyệt, đơn vị hoàn trả mặt bằng phải liên hệ cơ quan có thẩm quyền đề nghị điều chỉnh hoặc cấp giấy phép thi công mới. Các quy định chung về kỹ thuật, chất lượng thi công phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Các vệt hoàn trả phải vuông thành sắc cạnh;

b) Cao độ của vệt hoàn trả mặt đường phải đảm bảo không cao hơn mặt đường xung quanh quá +5mm và không chênh lệch tổng thể với toàn bộ mặt cắt ngang đường quá 15mm;

c) Vật liệu hoàn trả phải tương tự vật liệu xung quanh.

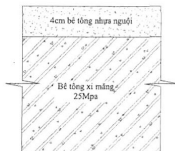
d) Không có vết nứt phân cách giữa phần hoàn trả và mặt đường, vỉa hè, bó vỉa xung quanh.

2. Có thể sử dụng phụ gia đông kết nhanh để rút ngắn thời gian bảo dưỡng các kết cấu bê tông xi măng hoặc gia cố xi măng.

Điều 5. Thiết kế kỹ thuật định hình áp dụng hoàn trả mặt đường nhựa

1. Thiết kế kỹ thuật định hình áp dụng cho công tác hoàn trả khi thi công các công trình đào đường có bề rộng vệt đào $B \leq 0,5\text{m}$; chiều sâu đặt các công trình ngầm chưa hết lớp kết cấu áo đường:

- Trên cùng là lớp bê tông nhựa nguội dày 4cm.
- Phía dưới là bê tông xi măng 25Mpa đá 1x2.
- Lớp chống mất nước;

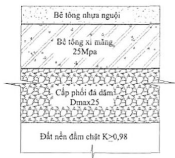


* Lưu ý: Khi kết cấu mặt đường hiện hữu là bê tông xi măng thì không thi công lớp bê tông nhựa 4cm trên cùng.

2. Thiết kế kỹ thuật định hình áp dụng cho tất cả các loại có kết cấu mặt đường nhựa có bề rộng vệt đào $0,5 \leq B \leq 1,2\text{m}$:

Tổng chiều dày lớp kết cấu hoàn trả là 54,0cm, bao gồm:

- Bê tông nhựa nguội dày 4cm;
- Tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn $0,5\text{kg/m}^2$;
- Bê tông xi măng 25Mpa dày 25cm;
- Lớp chống mất nước;
- Cấp phối đá dăm $D_{\text{max}}25$ dày 25cm;
- Phía dưới là lớp nền đầm chặt $K \geq 0,98$.

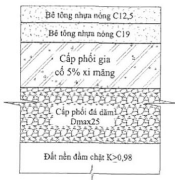


3. Thiết kế kỹ thuật định hình áp dụng cho tất cả các loại có kết cấu mặt đường nhựa có bề rộng vệt đào $B = (1,2 \div 2,5)\text{m}$:

a) Mặt đường hiện trạng là bê tông nhựa:

Tổng chiều dày lớp kết cấu hoàn trả là 42,0cm, bao gồm:

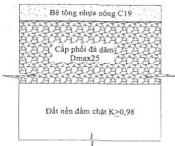
- Bê tông nhựa nóng C12,5 dày 5cm;
- Tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn 0,5kg/m²;
- Bê tông nhựa nóng C19 dày 7cm;
- Tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn nhựa 1,0 kg/m²;
- Cấp phối gia cố 5% xi măng dày 12cm
- Cấp phối đá dăm Dmax25 dày 18cm;
- Phía dưới là lớp nền đầm chặt K ≥ 0,98.



b) Mặt đường hiện trạng là thấm nhựa hoặc láng nhựa:

Tổng chiều dày lớp kết cấu hoàn trả là 37,0cm, bao gồm:

- Bê tông nhựa nóng C19 dày 7cm;
- Tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn nhựa 1,0 kg/m²;
- Cấp phối đá dăm Dmax25 dày 30cm;
- Phía dưới là lớp nền đầm chặt K ≥ 0,98.



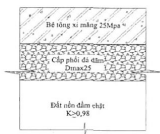
4. Đối với các công trình xây dựng hào, cống kỹ thuật qua đường... có thể tham các lớp bê tông nhựa trực tiếp lên tấm trần cống, tuy nhiên phải có giải pháp chống nứt phản ánh lên lớp bê tông nhựa tại các vị trí mối nối, các khe hở.

Điều 6. Thiết kế kỹ thuật định hình áp dụng hoàn trả bê tông xi măng

1. Thiết kế kỹ thuật định hình áp dụng cho mặt đường bê tông xi măng như sau:

Tổng chiều dày lớp kết cấu hoàn trả là 55,0cm, bao gồm:

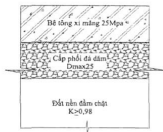
- Bê tông xi măng 25Mpa dày 25,0cm;
- Lớp chống mất nước;
- Cấp phối đá dăm Dmax25 dày 30,0 cm;
- Lớp nền đầm chặt K ≥ 0,98.



2. Thiết kế kỹ thuật định hình áp dụng cho đường kiệt hẻm, đường giao thông nông thôn:

Tổng chiều dày lớp kết cấu hoàn trả là 40,0cm, bao gồm:

- Bê tông xi măng 25Mpa dày 20,0cm;
- Lớp chống mất nước;
- Cấp phối đá dăm Dmax25 dày 20,0 cm;
- Đất nền đầm chặt $K \geq 0,98$.



Điều 7. Thiết kế kỹ thuật định hình áp dụng hoàn trả vỉa hè, bó vỉa, dải phân cách

1. Hoàn trả kết cấu bó vỉa, dải phân cách:

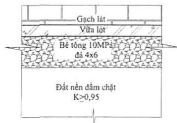
a. Bó vỉa, dải phân cách hiện trạng là bê tông xi măng: hoàn trả lại kết cấu bằng bê tông xi măng có hình dạng, kích thước và cao độ đúng như hiện trạng.

b. Bó vỉa, dải phân cách hiện trạng có cấu tạo bằng các kết cấu khác: được quy định cụ thể trong giấy phép thi công được cấp.

2. Hoàn trả kết cấu vỉa hè: Hoàn trả theo đúng cao độ ban đầu

a. Vỉa hè hiện trạng bằng gạch lát các loại được thực hiện như sau:

- Gạch lát theo đúng hiện trạng;
- Vữa lót 10Mpa dày 2cm;
- Bê tông lót đá 4x6 10Mpa dày 10cm;
- Nền đất đắp đầm chặt $K \geq 0,95$.



b. Vỉa hè hiện trạng bằng bê tông xi măng được thực hiện như sau:

- Bê tông xi măng 20Mpa đá 1x2 dày 10cm;
- Lớp chống mất nước;
- Nền đất đắp đầm chặt $K \geq 0,95$.



c. Vỉa hè hiện trạng có cấu tạo bằng các kết cấu khác: được quy định cụ thể trong giấy phép thi công được cấp.

Điều 8. Đơn giá hoàn trả

1. Đơn giá hoàn trả được lập trên cơ sở các Nghị định của Chính phủ ban hành về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, quản lý chất lượng công trình và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

2. Nội dung đơn giá hoàn trả:

a) Đơn giá được xây dựng theo kết cấu hoàn trả được quy định tại các Điều 5, Điều 6 và Điều 7. Các kết cấu không có trong thiết kế kỹ thuật định hình sẽ được xây dựng riêng.

b) Mức lương nhân công áp dụng theo thông báo của UBND Thành phố.

c) Đơn giá vật liệu sử dụng để hoàn trả áp dụng theo công bố của Sở Xây dựng tại thời điểm thực hiện việc hoàn trả.

d) Đơn giá sẽ được điều chỉnh tương ứng với thời điểm triển khai cụ thể.

CHƯƠNG III

HOÀN TRẢ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG

Điều 9. Giám sát và kiểm tra thực hiện hoàn trả

1. Công tác giám sát việc thực hiện hoàn trả kết cấu hạ tầng giao thông của các tổ chức, cá nhân được cấp phép phải được thực hiện bởi cá nhân có chuyên môn về giám sát công trình đường bộ. Trường hợp đơn vị hoàn trả mặt bằng không đủ năng lực thì phải thuê một đơn vị có chuyên môn phù hợp để thực hiện công tác giám sát.

2. Công tác kiểm tra việc hoàn trả kết cấu hạ tầng giao thông do cơ quan quản lý đường bộ theo phân cấp thực hiện, nhằm nhắc nhở, xử lý các hành vi gây tác động đến kết cấu hạ tầng giao thông và vi phạm trật tự an toàn giao thông đường bộ, trật tự an toàn giao thông đô thị. Công tác kiểm tra được tiến hành định kỳ hoặc đột xuất trong quá trình thực hiện công tác đào và hoàn trả kết cấu hạ tầng giao thông. Việc xử phạt theo Nghị định xử phạt hành chính hiện hành.

Điều 10. Công tác bàn giao mặt bằng sau khi hoàn trả cho đơn vị quản lý đường bộ

1. Khi công tác hoàn trả hoàn thành, trong thời gian 07 ngày làm việc, Đơn vị hoàn trả mặt bằng có trách nhiệm:

- Tổ chức nghiệm thu theo trình tự thủ tục quy định hiện hành của Nhà nước.

- Mời đơn vị quản lý đường bộ theo phân cấp tham gia nghiệm thu và tiếp nhận lại mặt bằng thi công đã bàn giao trước đây để quản lý.

- Chịu trách nhiệm bảo hành kết cấu hạ tầng giao thông hoàn trả trong vòng 12 tháng kể từ ngày bàn giao cho đơn vị quản lý đường bộ theo phân cấp.

2. Phải có văn bản xác nhận đã hoàn trả nguyên trạng mặt đường của cơ quan có thẩm quyền để được hoàn trả tiền đặt cọc.

CHƯƠNG IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của cơ quan quản lý đường bộ theo phân cấp

1. Tổ chức bàn giao mặt bằng và nhận lại mặt bằng sau khi đơn vị được cấp giấy phép thi công xong công trình.

2. Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát công tác bảo đảm an toàn giao thông, vệ sinh môi trường, tiến độ thi công của tổ chức, cá nhân thi công trong suốt quá trình thi công và báo cáo định kỳ bằng văn bản về cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thi công.

Điều 12. Các cơ quan quản lý chất lượng công trình giao thông, lực lượng Thanh tra của UBND các quận, huyện và Sở Giao thông vận tải

Trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của mình, các cơ quan quản lý chất lượng công trình giao thông, lực lượng Thanh tra của UBND các huyện, quận và Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm kiểm tra, thanh tra các đơn vị hoàn trả mặt bằng trong suốt thời gian thi công.

Điều 13. UBND phường (xã) nơi có công trình thi công

Kiểm tra, lập biên bản và ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các cá nhân và đơn vị vi phạm theo quy định của pháp luật hiện hành.

Khi các cơ quan quản lý đường bộ theo phân cấp, quản lý về trật tự an toàn giao thông đường bộ và trật tự an toàn giao thông đô thị yêu cầu cùng phối hợp kiểm tra xử lý vi phạm thì chính quyền địa phương có trách nhiệm hỗ trợ, cử cán bộ có thẩm quyền cùng phối hợp kiểm tra và xác nhận vào biên bản vi phạm hành chính.

Điều 14. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc, phát sinh, các đơn vị, cá nhân phản ánh về Sở Giao thông vận tải để nghiên cứu, tổng hợp trình UBND Thành phố xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

PHỤ LỤC

Đơn giá chi tiết của công tác hoàn trả kết cấu hạ tầng giao thông

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2015/QĐ-UBND ngày ... tháng năm 2015
của UBND thành phố Đà Nẵng)

TT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	ĐVỊ	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN TỔNG HỢP
	A. MẶT ĐƯỜNG			
	I. MẶT ĐƯỜNG BÊ TÔNG NHỰA			
	I. VỆT ĐÀO $B \leq 0,5m$	1m2		1,142,463
1	Mặt đường BTN nguội dày 4cm	m2	320,872	320,872
2	Bê tông xi măng 25Mpa, đá 1x2	m3	2,035,602	814,241
3	Lớp chống mất nước	m2	7,350	7,350
	2. VỆT ĐÀO $0,5M < B \leq 1,2m$	1m2		1,311,655
1	Mặt đường BTN nguội dày 4cm	m2	320,872	320,872
2	Tưới nhựa dính bám t/c 0,5kg/m2	m2	16,215	16,215
3	Bê tông xi măng 25Mpa, đá 1x2	m3	2,035,602	508,900
4	Lớp chống mất nước	m2	7,350	7,350
5	Cấp phối đá dăm Dmax25 dày 25cm	m3	1,307,507	326,877
6	Nền đường đầm chặt	m3	219,067	131,440
	3. VỆT ĐÀO $1,2M < B \leq 2,5m$	1m2		1,010,614
1	Mặt đường BTN chặt hạt mịn C12,5 dày 5cm	m2	212,702	212,702
2	Tưới nhựa dính bám t/c 0,5kg/m2	m2	16,215	16,215
3	Mặt đường BTN chặt hạt trung C19 dày 7cm	m2	333,175	333,175
4	Tưới nhựa thấm bám t/c 1,0kg/m2	m2	33,390	33,390
5	Cấp phối đá dăm gia cố XM 5%	m3	941,472	112,977
6	Cấp phối đá dăm Dmax25	m3	1,307,507	235,351
7	Đắp đất nền đường K98 dày 18cm	m3	111,340	66,804
	II. MẶT ĐƯỜNG HIỆN TRẠNG LÀ THẢM NHẬP NHỰA, LẮNG NHỰA	1m2		956,752
1	Mặt đường BTN chặt hạt trung C19 dày 7cm	m2	399,670	399,670
2	Tưới nhựa thấm bám t/c 1,0kg/m2	m2	33,390	33,390
3	Cấp phối đá dăm Dmax25 dày 18cm	m3	1,307,507	392,252

TT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	ĐVỊ	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN TỔNG HỢP
4	Nền đường đầm chặt	m3	219,067	131,440
	III. MẶT ĐƯỜNG BÊ TÔNG XI MĂNG	1m2		1,018,036
1	Bê tông xi măng 25Mpa, đá 1x2 dày 25cm	m3	2,035,602	508,900
2	Lớp chống mất nước	m2	7,350	7,350
3	Cấp phối đá dăm Dmax25	m3	1,307,507	392,252
4	Nền đường đầm chặt	m3	219,067	109,534
	IV. ĐƯỜNG KIẾT HỀM, GTNT	1m2		741,692
1	Bê tông xi măng 25Mpa, đá 1x2 dày 20cm	m3	2,035,602	407,120
2	Lớp chống mất nước	m2	7,350	7,350
3	Cấp phối đá dăm Dmax25 dày 20cm	m3	1,307,507	261,501
4	Nền đường đầm chặt	m3	219,067	65,720
	B. BÓ VỈA	1md		412,809
1	BT bó vỉa đổ tại chỗ 20MPa đá 1x2	m3	1,601,646	288,296
2	Ván khuôn đổ tại chỗ	m2	98,424	76,377
3	Đệm cấp phối đá dăm	m3	802,256	48,135
	C. DẢI PHÂN CÁCH	1md		426,715
1	BT bó vỉa đổ tại chỗ 20MPa đá 1x2	m3	1,601,646	240,247
2	Ván khuôn đổ tại chỗ	m2	98,424	162,400
3	Đệm cấp phối đá dăm	m3	802,256	24,068
	D. VỈA HÈ	1m2		451,576
1	Lát gạch Daramic (16 viên.m2)	m2	168,208	168,208
2	BT lót đổ tại chỗ 15MPa đá 1x2	m3	1,300,211	130,021
3	Nền đường đầm chặt	m3	219,067	153,347

** Lưu ý:*

- Đơn giá tổng hợp đã bao gồm các hệ số theo quy định như: Chi phí chung nhân công, trực tiếp phí, thuế thu nhập, thuế giá trị gia tăng... Đơn giá tổng hợp được lập trên cơ sở:

+ Các Nghị định của Chính phủ ban hành về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, quản lý chất lượng công trình và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

+ Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng “V/v hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng”.

+ Thông báo số 112/TB-UBND ngày 18/06/2015 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc áp dụng Thông tư số 01/2015/TT-BXD ngày 20/3/2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

+ Quyết định số 325/2006/QĐ-UBND ngày 16/01/2008 của UBND TP Đà Nẵng “V/v ban hành Bảng giá ca máy và thiết bị thi công”.

+ Công bố giá các loại vật liệu chủ yếu trong lĩnh vực đầu tư xây dựng tại thành phố Đà Nẵng tại thời điểm tháng 03/2015 theo công văn số 2224/SXD-KTXD ngày 16/04/2015 của Sở Xây dựng TP Đà Nẵng.

- Đơn giá sẽ được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thi công điều chỉnh tương ứng với thời điểm triển khai cụ thể. Đơn vị được cấp giấy phép thi công nộp tiền đặt cọc bằng 100% kinh phí hoàn trả mặt bằng nguyên trạng.